



## ĐIỀU TRA DI CƯ NỘI ĐỊA QUỐC GIA 2015

@ UN Viet Nam/Aidan Dockery

### Tờ tin số 1: Một số kết quả chính

**Bản tóm tắt này cung cấp một số thông tin chính về di cư nội địa ở Việt Nam dựa trên kết quả phân tích số liệu từ cuộc Điều tra Di cư Nội địa Quốc gia năm 2015. Bản tóm tắt cũng bao gồm một số khuyến nghị chính sách nhằm tận dụng lợi thế của di cư cho phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam cũng như đảm bảo các quyền của người di cư trong tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản ở nơi đến.**

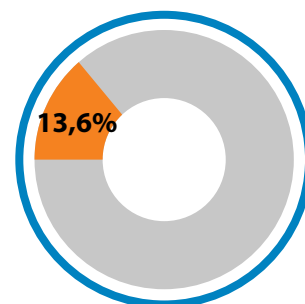
Di cư là một yếu tố tất yếu trong quá trình phát triển, di cư tạo cơ hội về kinh tế và giáo dục tốt hơn cho người di cư, góp phần cải thiện cuộc sống của người di cư và gia đình họ. Di cư không chỉ góp phần tăng trưởng kinh tế tại nơi đến mà còn đặt ra những thách thức cho sự phát triển đòi hỏi cần có những chính sách phù hợp dựa trên bằng chứng để đảm bảo di cư đóng góp cho phát triển của cá nhân, cộng đồng và cả xã hội.

Điều tra Di cư Nội địa Quốc gia năm 2015 đã được tiến hành nhằm cung cấp thông tin về thực trạng di cư ở Việt Nam, các xu hướng và những khác biệt theo các đặc điểm kinh tế - xã hội. Thông tin thu được từ cuộc điều tra này chính là nguồn quan trọng cho các nhà hoạch định chính sách và cán bộ quản lý trong việc xây dựng chính sách phát triển kinh tế - xã hội có tính tới yếu tố di cư nói chung và chính sách đối với người di cư nói riêng.

### MỘT SỐ KẾT QUẢ CHÍNH

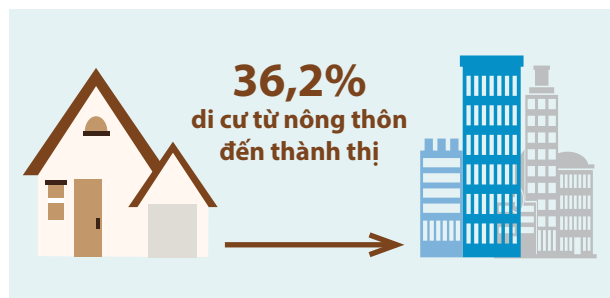
#### 1. Di cư nội địa chiếm tỷ lệ đáng kể trong tổng dân số

**13,6% dân số là người di cư**



Kết quả điều tra cho thấy 13,6% dân số (khoảng 12,4 triệu người trong tổng số 91 triệu dân) là người di cư trong vòng 5 năm qua (2010-2015). Tỷ lệ người di cư trong nhóm tuổi 15-59 là 17,3%, trong đó 19,7% ở khu vực thành thị và 13,4% ở khu vực nông thôn.

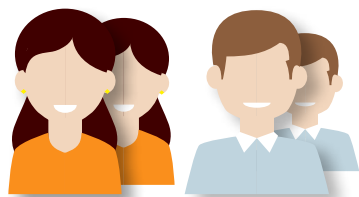
## 2. Luồng di cư nông thôn - thành thị đóng góp đáng kể vào quá trình đô thị hóa



Xét theo 4 luồng di cư (nông thôn - thành thị, thành thị - nông thôn, nông thôn - nông thôn và thành thị - thành thị), luồng di cư từ nông thôn đến thành thị chiếm tỷ trọng cao nhất (36,2%) và cao gấp 3 lần so với di cư từ thành thị đến nông thôn (12,6%). Đặc biệt, ở các khu vực Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung và Đồng bằng sông Cửu Long, luồng di cư nông thôn - thành thị cao gấp 5 lần so với di cư thành thị - nông thôn. Rõ ràng là di cư nội địa đã trở thành một yếu tố nhân khẩu học quan trọng làm thay đổi cơ cấu dân số ở cả khu vực thành thị và nông thôn và thúc đẩy sự phát triển của khu vực đô thị.

## 3. Người di cư chủ yếu là thanh niên

Phần lớn người di cư ở độ tuổi từ 15-39 (chiếm 83,9% tổng số người di cư nhóm tuổi 15-59). Việc bổ sung một lực lượng khá lớn lao động di cư trẻ tuổi đã góp phần trẻ hóa



**83,9%**  
số người di cư có độ tuổi từ 15-39

lực lượng lao động ở các thành phố lớn. Người di cư chủ yếu là thanh niên tìm kiếm việc làm hoặc đang học tập, có xu hướng kết hôn muộn, vì thế tỷ lệ người di cư có vợ/chồng (56,5%) thấp hơn so với người không di cư (71%).

## 4. Xu hướng “nữ hóa” di cư

Tỷ lệ nữ di cư trong tổng số người di cư từ 15-59 là 52,4%. Tỷ lệ nam di cư là 47,6%, tiếp tục khẳng định xu hướng “nữ hóa” di cư như đã thấy từ các nghiên cứu về di cư trước đây.

Hiện tượng “nữ hóa” di cư cũng thể hiện ở tỷ số giới tính của người di cư. Ở các nhóm tuổi 15-39 và 40-44, tỷ số giới tính nhỏ hơn 100, nghĩa là số nam ít hơn so với nữ.



Nam di cư: 47,6%



Nữ di cư: 52,4%

## 5. Việc làm/kinh tế là lý do quan trọng nhất dẫn tới di cư

Tìm kiếm việc làm và cải thiện về kinh tế thực sự là lý do quan trọng nhất khiến người di cư quyết định di chuyển, chiếm tỷ lệ cao nhất khoảng 34,7%. Điều này cũng có thể quan sát được ở cả nam và nữ cũng như ở tất cả các vùng (ngoại trừ vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung và vùng Tây Nguyên là hai vùng kinh tế kém phát triển). Tỷ lệ nam giới di cư vì lý do công việc và kinh tế (38,4%) nhiều hơn so với tỷ lệ phụ nữ di cư vì lý do này (31,8%), tới 7 điểm phần trăm. Các lý do liên quan tới học tập hoặc liên quan đến gia đình chiếm tỷ lệ thấp hơn, khoảng 25%.

“Bây giờ bình thường ở quê tôi đi làm thợ xây, công được 170 nghìn, 180 nghìn một ngày, mà một tháng tôi làm 20 ngày, tôi được trên 3 triệu. Đi làm ở nơi khác tôi rất dễ dàng kiếm được 5 triệu, vì thế tôi phải đi nơi khác thôi. Tất nhiên là chấp nhận xa vợ, xa con. Ai chẳng muốn được gần vợ, gần con.”

*(Nam di cư đến, thành thị, tỉnh Hải Dương)*



@ UN Viet Nam/Aidan Dockery

## 6. Người di cư có trình độ học vấn và chuyên môn kỹ thuật cao hơn so với người không di cư

**Di cư** 31,7% có trình độ CMKT

**Không di cư** 24,5% có trình độ CMKT

Tỷ lệ người di cư có trình độ THPT hoặc cao đẳng trở lên tương đối cao, tương ứng chiếm 27% và 23,1%, trong khi con số này đối với người không di cư chỉ là 18,2% và 17,4% tương ứng.

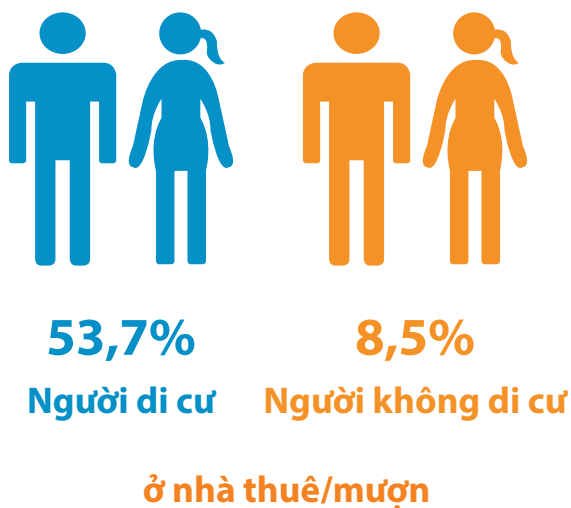
Người di cư có trình độ chuyên môn kỹ thuật (CMKT) cao hơn so với những người không di cư, tới 7,2 điểm phần trăm. Không có sự khác biệt đáng kể về tỷ lệ có trình độ CMKT giữa nam giới và nữ giới di cư.

## 7. Điều kiện sống của người di cư có phần hạn chế hơn so với người không di cư

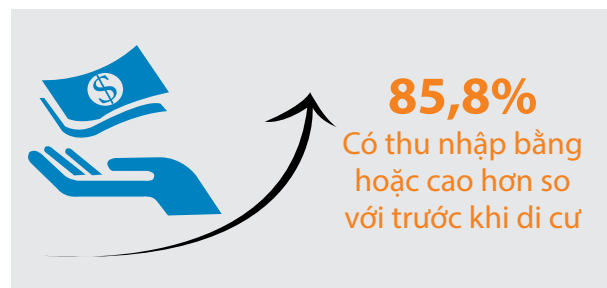
Phần lớn người di cư cho biết họ hài lòng với cuộc sống sau khi di cư. Tương tự người không di cư, đa số người di cư sống trong các căn hộ sử dụng nước sạch, sử dụng điện lưới thấp sáng, có hố xí hợp vệ sinh. Tuy nhiên, so với người không di cư, nhà ở và thiết bị sinh hoạt của người di cư có phần hạn chế hơn.

Tỷ lệ người di cư phải sống trong các nhà thuê/mượn là 53,7%, cao gấp hơn 6 lần so với nhóm không di cư (8,5%). Tỷ lệ này cao nhất là ở vùng Đông Nam Bộ (81,5%) - nơi thu hút nhiều người di cư tới làm việc ở các khu công nghiệp lớn.

Khoảng 18,4% người di cư có diện tích ở bình quân rất nhỏ, dưới 6 m<sup>2</sup>. Tỷ lệ này cao hơn gấp 3 lần so với nhóm không di cư (5,0%).



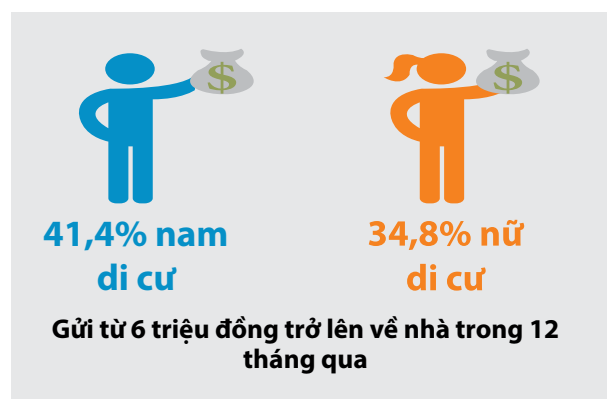
## 8. Thu nhập của người di cư được cải thiện sau khi di cư



Nhìn chung, mức thu nhập bình quân tháng của người di cư thấp hơn của người không di cư (5,0 triệu đồng so với 5,4 triệu đồng). Nam di cư có thu nhập cao hơn nữ di cư, tương ứng là 5,5 triệu đồng và 4,5 triệu đồng. Những người di cư đến khu vực thành thị có thu nhập cao hơn những người di cư đến khu vực nông thôn (5,3 triệu đồng so với 4,6 triệu đồng).



Kết quả điều tra cho thấy trong 12 tháng trước điều tra, gần 30% người di cư đã gửi tiền về cho gia đình ở nơi ở cũ. Theo đó, trung bình một người gửi về 8,3 triệu đồng/năm. Nam di cư gửi tiền về nhiều hơn nữ (tương ứng 9,4 triệu và 7,5 triệu). Đặc biệt, tỷ lệ nam di cư gửi khoản tiền lớn từ 6 triệu trở lên nhiều hơn so với nữ di cư (41,4% so với 34,8%). Tiền gửi về của người di cư được sử dụng chủ yếu cho chi tiêu hàng ngày hơn là phát triển sản xuất, mở rộng kinh doanh của gia đình.





@ UN Viet Nam/Aidan Dockery

“Mỗi tháng, cháu làm được hơn 5 triệu, cháu gửi về cho mẹ 4 triệu. Em cháu thu nhập 4 triệu, nó gửi cho mẹ một nửa. Cả hai anh em cháu gửi cho mẹ mỗi tháng 6 triệu.”

(Nam di cư đến thành thị, tỉnh Hải Dương)

## 9. Những thách thức của di cư

**31,1%** người di cư cho biết họ gặp khó khăn tại nơi di cư đến. Trong số đó, 42,6% gặp khó khăn về chỗ ở. Tỷ lệ những người di cư đến vùng Tây Nguyên gặp khó khăn chiếm tới 60,6%. Khi gặp khó khăn, người di cư thường tìm sự giúp đỡ từ người thân hơn là từ chính quyền địa phương.

**Trên 40%** người di cư ở nhà có diện tích bình quân đầu người thấp hơn 10m<sup>2</sup>. Tỷ lệ này ở người không di cư là 16%.



**13,5%**

người di cư không đăng ký thường trú/tạm trú. Lý do phổ biến nhất cho tình trạng này là do họ thấy “Không cần thiết”.



**13,4%** người di cư có con ở độ tuổi đi học (5-18 tuổi) nhưng đã không tới trường. Tỷ lệ này ở người không di cư là 5,5%. Khó khăn về kinh tế là lý do chính khiến trẻ em là con của người di cư không được đi học.

**67,6%** người di cư có thể bảo hiểm y tế. Tỷ lệ này tương đương với với nhóm không di cư. Tỷ lệ nữ di cư có thể bảo hiểm y tế (69,8%) cao hơn so với nam di cư (64,8%). Như vậy vẫn có khoảng 1/3 người di cư không có bảo hiểm y tế, đó là một thách thức không nhỏ khi họ sẽ phải chi trả một khoản tiền túi đáng kể cho các dịch vụ y tế khi ốm đau.



@ UN Viet Nam/Aidan Dockery

## KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

### 1 **Cần lồng ghép các vấn đề di cư trong các chính sách và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở các cấp, các ngành**

Di cư là yếu tố tất yếu của quá trình phát triển, vì vậy khi xây dựng và hoạch định các chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng vùng, từng địa phương, cần tính tới dân số di cư để đảm bảo khai thác được lợi thế của di cư cho sự phát triển cũng như thích ứng với tình hình di cư của địa phương, đảm bảo quyền bình đẳng tiếp cận đến dịch vụ xã hội cơ bản (như nhà ở, giáo dục, y tế, vay vốn, v.v) của người di cư. Hơn nữa, việc phân bổ ngân sách cho địa phương cũng cần tính tới những người di cư, bao gồm cả cư trú tạm thời thay vì chỉ tập trung vào người dân có đăng ký hộ khẩu thường trú.

### 2 **Đẩy mạnh các chương trình phát triển bền vững, đầu tư cơ sở hạ tầng, tạo công ăn việc làm, cải thiện môi trường sống và điều kiện sinh hoạt của người dân, đặc biệt ở khu vực nông thôn**

- Các hoạt động này nhằm góp phần giảm bớt khoảng cách giàu nghèo và điều kiện sống giữa thành thị và nông thôn. Điều này sẽ góp phần giảm sức ép cho luồng di cư từ nông thôn ra thành thị, đồng thời

giúp định hướng lại các dòng di cư (thay vì di cư từ nông thôn ra thành phố thì di cư từ nông thôn đến các thị trấn, khu đô thị nhỏ).

- Mặc dù di cư là động lực của quá trình phát triển, tuy nhiên, nó cũng tạo áp lực ngày càng tăng lên cơ sở hạ tầng và các dịch vụ ở thành phố lớn. Vì vậy, bên cạnh việc xây dựng các chính sách quy hoạch và quản lý đô thị phù hợp với xu thế và tốc độ phát triển của từng địa phương, cần nâng cao năng lực cho chính quyền địa phương trong việc hỗ trợ người di cư để họ có thể vượt qua những khó khăn ban đầu tại nơi đến.

### 3 **Tăng cường công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức xã hội và chính quyền các cấp để có cách nhìn tích cực về di cư cũng như tận dụng lợi thế của người di cư**

Cần tiếp tục nâng cao nhận thức cho các nhà lập chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển về tác động của di cư nhằm tạo sự đồng thuận và có cách nhìn tích cực đối với di cư, để có thể đề xuất các chính sách liên quan tới di cư một cách phù hợp và dựa trên bằng chứng.

### 4 **Cần tiếp tục cung cấp, cập nhật các thông tin và bằng chứng về di cư nội địa làm cơ sở cho quá trình xây dựng và hoạch định chính sách phát triển**

## **kinh tế - xã hội và các chính sách khác có liên quan**

- Bổ sung thêm thông tin liên quan đến di cư vào các cuộc điều tra quốc gia (như Tổng điều tra dân số và nhà ở, Điều tra lao động việc làm, Điều tra mức sống dân cư) để có thể phân tích sâu tình hình di cư ở Việt Nam, các loại hình di cư, bao gồm di cư ngắn hạn và di cư tạm thời, và các yếu tố tác động.
- Cần có nghiên cứu sâu hơn về di cư, đặc biệt là các tác động của sự thay đổi môi trường lên các hoạt động di chuyển của người dân; các vấn đề liên quan đến tình trạng yếu thế của người di cư làm cơ sở hoạch định chính sách ở những lĩnh vực có liên quan. Các lĩnh vực này bao gồm: các chính sách xã hội, cơ hội việc làm, tình trạng nhà ở và chăm sóc sức khỏe của người di cư.
- Đưa cuộc điều tra di cư nội địa vào danh sách các cuộc điều tra thống kê quốc gia để nguồn thông tin về di cư luôn được cập nhật, phục vụ công tác quản lý và xây dựng chính sách.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Tổng cục Thống kê và Quỹ Dân số Liên hợp quốc (2016). “Điều tra Di cư Nội địa Quốc gia 2015: Các kết quả chủ yếu”. Nhà xuất bản Thông tấn.
2. Tổng cục Thống kê và Quỹ Dân số Liên hợp quốc (2016). “Điều tra Di cư Nội địa Quốc gia 2015: Một số chỉ tiêu chủ yếu”.

## **Ghi chú:**

*Trong cuộc điều tra này, người di cư được định nghĩa là người di chuyển từ huyện/quận này sang huyện/quận khác trong vòng 5 năm trước thời điểm điều tra và thỏa mãn một trong ba điều kiện sau:*

- a) Đã cư trú ở nơi điều tra từ 1 tháng trở lên;*
- b) Cư trú ở nơi điều tra dưới 1 tháng nhưng có ý định ở từ 1 tháng trở lên;*
- c) Cư trú ở nơi điều tra dưới 1 tháng nhưng trong vòng 1 năm qua đã rời khỏi nơi thường trú đến ở một quận/huyện khác với thời gian tích lũy từ 1 tháng trở lên để lao động kiếm tiền.*

*Đối tượng điều tra của cuộc điều tra này là nhóm người di cư và không di cư trong độ tuổi từ 15–59.*



### **Tổng cục Thống kê**

54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam  
Điện thoại: 84-24-7304 6666 - Fax: 84-24-7307 7997  
Website: <https://www.gso.gov.vn>  
Email: [dansolaodong@gso.gov.vn](mailto:dansolaodong@gso.gov.vn)



### **Quỹ Dân số Liên hợp quốc**

304 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam  
Điện thoại: 84-24-3850 0100  
Fax: 84-24-3726 5520  
Website: <https://www.vietnam.unfpa.org>